

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1084/2023/QĐST-VHNGĐ *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 450/2025/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trịnh Hữu L, sinh năm: 1975, CCCD số: 079075010803

Bà Nìm C, sinh năm: 1977, CCCD số: 060177000197

Cùng địa chỉ: 1 N, Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Trịnh Hữu L và bà Nìm Công D thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: có 02 con chung tên Trịnh Hoài Đ, sinh năm: 2000 và Trịnh Trọng P, sinh năm: 2004. Cả 02 đã trưởng thành.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trịnh Hữu L và bà Nìm Công D mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà D, ông L đã nộp theo biên lai thu số 0008509 ngày 11/8/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D, ông L đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là ngày 12/9/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trịnh Hữu L và bà Nim Công D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/1999 ngày 13/7/1999 do Ủy ban nhân dân phường G, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trịnh Hữu L và bà Nim Công D không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: có 02 con chung tên Trịnh Hoài Đ, sinh năm: 2000 và Trịnh Trọng P, sinh năm: 2004. Cả 02 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trịnh Hữu L và bà Nim Công D mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà D, ông L đã nộp theo biên lai thu số 0008509 ngày 11/8/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D, ông L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- UBND phường Cầu Kiệu (trước là phường 7, Quận Phú Nhuận), TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thụy Bích Ngọc**